

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày: 10/6/2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi

Bà Huỳnh Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXX-ST ngày 21/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2025/QĐST-DS ngày 21/4/2025 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 19/2025/QĐST-DS ngày 21.5.2025, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hoài N** - sinh năm 1960. Địa chỉ: Số B T, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1972 và **Hồ Thị Á**, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: Số E N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, bà Á có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N trình bày:* Vào năm 2017 giữa vợ chồng bà Hồ Thị Á, ông Nguyễn Văn D quen biết nhau và có mua bán đất đất với nhau. Vợ chồng ông D, bà Á có cam kết bán do bà N lô đất tại Khu T và Khu T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên sau đó bà Á, ông D cho rằng diện tích đất quá lớn, không thể tách thửa được nên hai bên chuyển thành nợ và bà Á cam kết trả tiền lãi hàng tháng cho bà N, cụ thể bà Á, ông D đã nợ bà N số tiền như sau: Cùng 01 giấy mượn tiền ngày 08/11/2017 ông D, bà Á ký giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng; Ngày 25/5/2019 bà Á ký giấy mượn số tiền 600.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 1.000.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 06/02/2021 bà Á ký nhận mượn số tiền 200.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 13/9/2022 bà Á ký nhận 4.500 USD và tại cam kết ngày 02/11/2024 bà Á cam kết nợ tiền lãi bà N số tiền 60.000.000 đồng. Đối với giấy mượn tiền 4.500 USD bà N thừa nhận viết giấy mượn tiền USD nhưng tại thời điểm giao tiền các bên đã quy đổi thành tiền Việt Nam để chuyển giao cho nhau, tại thời điểm mượn quy đổi thì mệnh giá 1 USD = 25.000 đồng x 4.500 USD = 112.500.000 đồng (bà N làm tròn 112.000.000 đồng). Như vậy tổng cộng ông D, Á nợ của bà N số tiền 1.472.000.000 đồng, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà Á trả tiền nhưng không trả. Tại phiên tòa bà N yêu cầu ông D, bà Á phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 1.472.000.000 đồng, bà N không yêu cầu ông D, bà Á trả tiền lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, tại phiên tòa ngày 21/5/2025 và tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Thị Á trình bày:*

Bà Hồ Thị Á thống nhất như lời trình bày của bà N về thời gian mượn các số tiền và bà Á, ông D cũng xác nhận các giấy tờ nợ do bà Á ký xác nhận và ghi rõ họ tên của mình. Đối với giấy mượn tiền 4.500 USD bà Á thừa nhận viết giấy mượn tiền USD nhưng tại thời điểm giao tiền bà N đã quy đổi thành tiền Việt Nam để chuyển giao cho nhau, tại thời điểm mượn quy đổi thì mệnh giá 1 USD = 25.000 đồng x 4.500 USD = 112.500.000 đồng. Bà Á xác nhận hiện còn nợ bà N số tiền 1.472.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại bà Á và ông D gặp khó khăn, do chưa bán

được đất. Vì vậy bà Á xin bà N cho bà Á và ông D trả tiền hàng tháng vài chục triệu cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt tại các phiên họp là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 117, 119, 274 và Điều 280 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Ánh . Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á trả cho bà Nguyễn Hoài N số tiền 1.472.000.000 đồng. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị bị đơn phải chịu tiền án phí và những vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo như đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Ánh . Địa chỉ: E N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, tranh chấp số tiền 1.472.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án triệu tập và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và quyết định tạm ngưng phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn D nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[2.1] Về nội dung vụ án: Giữa bà Nguyễn Hoài N và ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á có quan hệ mua bán đất với nhau nhưng việc mua bán không thành nên các bên chuyên thành nợ. Tại phiên tòa bà Nguyễn Hoài N, bà Hồ Thị Á thừa nhận: Cùng 01 giấy mượn tiền ngày 08/11/2017 ông D, bà Á ký giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng; Ngày 25/5/2019 bà Á ký giấy mượn số tiền 600.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 1.000.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 06/02/2021 bà Á ký nhận mượn số tiền 200.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 13/9/2022 bà Á ký mượn 4.500 USD và tại cam kết ngày 02/11/2024 bà Á cam kết nợ tiền lãi bà N số tiền 60.000.000 đồng. Đối với giấy mượn tiền 4.500 USD bà N, bà Á thừa nhận viết giấy mượn tiền USD nhưng tại thời điểm giao tiền các bên đã quy đổi thành tiền Việt Nam để chuyển giao cho nhau, tại thời điểm mượn quy đổi thì mệnh giá 1 USD = 25.000 đồng x 4.500 USD = 112.500.000 đồng (bà N làm tròn 112.000.000 đồng). Như vậy tổng cộng các đợt mượn là 1.472.000.000 đồng. Bà N đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà Á trả tiền nhưng không trả, tại phiên tòa bà N yêu cầu ông D, bà Á trả tiền nợ dứt điểm một lần. Bà Á cũng xác nhận các đợt vay tiền do bà Á ký xác nhận và ghi rõ họ tên của mình, riêng giấy mượn tiền ngày 08/11/2017 ông D, bà Á cùng ký giấy mượn số tiền

400.000.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà Á xin được trả dần hàng tháng. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án nên không có cơ sở để xem xét. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N cung cấp và được bị đơn bà Hồ Thị Á xác nhận nên không phải chứng minh. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định giữa bà Nguyễn Hoài N và ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á có quan hệ vay mượn tiền với nhau số tiền 1.472.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N yêu cầu cả bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á cùng có trách nhiệm trả nợ thì thấy:

Tất cả các giấy nhận nợ bà Á thừa nhận do bà ký xác nhận và ghi rõ họ tên. Riêng giấy mượn tiền ngày 08/11/2017 ông D, bà Á cùng ký giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng. Bà N cho rằng những lần vay tiền khác mặc dù ông D không ký xác nhận nhưng ông D đều biết số tiền nêu trên bà Á vay mượn, những lần bà đến nhà ông D, bà Á đòi tiền đều có ông D và ông D không có ý kiến gì. Tại phiên tòa bà Á cũng thừa nhận rằng số tiền trên bà Á vay về để vợ chồng bà kinh doanh bất động sản, trong thời gian vay tiền cũng như hiện tại vợ chồng bà Á, ông D vẫn là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hiện vẫn đang chung sống cùng với nhau. Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, thì khoản nợ trên là nợ trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng ông D, bà Á cùng có nghĩa vụ. Việc bà Nguyễn Hoài N yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á có trách nhiệm cùng có nghĩa vụ trả nợ bà Nguyễn Hoài N là có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, 119, 274 và Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Hoài N số tiền 1.472.000.000 đồng. Đối với tiền lãi do tại phiên tòa bà Nguyễn Hoài N không yêu cầu bà Hồ Thị Á, ông Nguyễn Văn D trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tại phiên tòa ý kiến phát biểu về nội dung giải quyết vụ án Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N1 được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền: 56.160.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 117, 119, 274, 280 và Điều 385 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào: Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào: Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á trả cho bà Nguyễn Hoài N số tiền 1.472.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm, bảy mươi hai triệu đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 56.160.000đ (*Năm mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

